TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/HSST.
Ngày 12/8/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lan.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Hồng.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung - Cán bộ Tòa án.
- *Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2022/TLST-HS ngày 12/7/2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HS ngày 29/7/2022 đối với bị cáo.

Họ và tên: **Trần Văn L**, sinh năm 1996 tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1970 và bà Trần Thị P, sinh năm 1973; vợ Bùi Thảo T, sinh năm 2000; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Công an huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Có mặt tại phiên tòa

- Người bị hại: Anh Ngô Thành N.

Địa chỉ: Số 252 Nguyễn Tất Thành, tổ dân phố 9, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Anh Lê Đính Q.

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

2) Anh Trần Văn Tân

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

3) Anh Trịnh Văn T.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

4) Chị Lê Thị H.

Địa chỉ: Bon U3, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)
5) Ông Trần Văn Đ.
Địa chỉ: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)
6) Chị Bùi Thảo T.
Địa chỉ: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)
- Người làm chứng: Anh Nguyễn Thành Đ
Địa chỉ: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Trần Văn L mua xe mô tô biển kiểm soát (BKS): 48D1-243.02 nhãn hiệu Honda SH mode, màu sơn bạc – đen và đứng tên chủ sở hữu trong Giấy đăng ký mô tô, xe máy có số phát hành: 010100 được Công an huyện C cấp lần đầu ngày 05/10/2017. Đến ngày 04/6/2021, L bán xe mô tô BKS: 48D1-243.02 cho anh Trịnh Văn T (sinh năm 1990, trú tại: Tổ dân phố 8, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông) với giá 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)*, hai bên thỏa thuận, anh T trả trước cho L số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*, còn lại 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* khi nào anh T trả hết thì L sẽ giao xe mô tô và Giấy đăng ký mô tô, xe máy cho anh T. Đến ngày 09/6/2021, L phát hiện bị mất Giấy đăng ký mô tô, xe máy có số phát hành: 010100 nên đã đến đội Cảnh sát giao thông Công an huyện C đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cho xe mô tô BKS: 48D1-243.02. Sau khi đề nghị cấp lại Giấy đăng ký mô tô, xe máy thì L lại tìm thấy Giấy đăng ký mô tô, xe máy số phát hành: 010100 bị rơi trong nhà của mình nhưng L không đến Công an huyện C để trình báo nên đến ngày 13/7/2021, L được Công an huyện C đã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy BKS: 48D1-243.02, số phát hành: 48002776. Ngày 14/6/2021, L gặp anh T để lấy số tiền bán xe còn lại và giao xe cho anh T nhưng anh T vẫn chưa có tiền trả cho L; lúc này L nói với anh T là L sẽ bán xe mô tô BKS: 48D1-243.02 cho người khác và trả lại anh T số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* thì anh T đồng ý. Đến ngày 18/6/2021, L bán xe mô tô BKS: 48D1-243.02 cho anh Ngô Thành N (sinh năm 1996, trú tại: Số 252 Nguyễn Tất Thành, tổ dân phố 9, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông) với giá 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)*; hai bên lập hợp đồng mua bán xe, L giao xe cùng Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số phát hành: 010100 cho anh N và anh N đã giao đủ tiền mua xe cho L. Sau khi đã bán xe cho anh N thì L đã thuê lại xe mô tô BKS: 48D1-243.02 của anh N để đi lại trong thời gian 10 (mười) ngày, anh N giao xe cho L và giữ lại Giấy chứng nhận đăng ký xe. Đến ngày 28/6/2021, L đến gặp anh N để trả tiền thuê xe cho anh N và tiếp tục thuê xe mô tô BKS: 48D1-243.02 của anh N với thời gian 10 (mười) ngày nữa, anh N đồng ý. Đến ngày 08/7/2021, Trần Văn L gặp anh N để trả tiền thuê xe cho anh N và tiếp tục thuê mô tô

BKS: 48D1-243.02 thêm 10 (mười) ngày nữa thì anh N đồng ý. Đến ngày 18/7/2021, hết thời hạn cho L thuê xe, anh N đã gọi điện thoại cho L để đòi xe thì L nói anh N cho L thuê xe thêm 02 (hai) đến 03 (ba) ngày nữa rồi L trả xe và tiền thuê xe thì anh N đồng ý, tuy nhiên đến ngày 21/7/2021, L mang xe mô tô BKS: 48D1-243.02 thuê của anh N cùng với Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số: 48002776 đến cầm cố tại cửa hàng cầm đồ của anh Lê Đình Q thuộc thôn 6, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông lấy số tiền 35.000.000đ *(Ba mươi lăm triệu đồng)*, thời hạn cầm đồ đến ngày 20/8/2021 nếu L không đến chuộc xe mô tô thì anh Q sẽ được toàn quyền quyết định đối với xe mô tô BKS: 48D1-243.02. Sau khi cầm cố được xe, L lấy tiền trả nợ và dùng phần tiền còn lại để bỏ trốn khỏi địa phương, cắt liên lạc nhằm tránh việc đòi lại tài sản của anh N và những người khác. Khi biết L đã bán xe mô tô BKS: 48D1-243.02 cho người khác nhưng không trả tiền cho mình thì anh T đã gặp L đòi tiền nên L đã nhờ cha ruột là ông Trần Văn Đ trả số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* cho anh T thì anh T đồng ý. Đến ngày 20/9/2021 không thấy L và gia đình trả lại tiền nên anh T đã làm đơn tố giác Trần Văn L có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Trong quá trình xác minh làm rõ tố giác của anh T, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút tiếp tục nhận được đơn tố giác của anh Ngô Thành N đối với L về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Khi hết thời hạn cầm đồ, không thấy L đến chuộc lại xe, trả tiền gốc và lãi nên đến cuối tháng 8/2021, anh Q bán xe mô tô BKS: 48D1-243.02 cho anh Trần Văn T (sinh năm 1991, trú tại: Thôn 6, xã T, huyện C) với giá 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)*, tuy nhiên giấy tờ cầm đồ của Trần Văn L bị thất lạc nên trước khi bán xe cho anh T thì anh Q đã tự soạn thảo 01 hợp đồng mua bán xe và ký tên ở phần người bán là Trần Văn L, khi bán xe anh Q đã giao hợp đồng này cho anh T. Sau khi biết được xe mô tô BKS: 48D1-243.02 là tài sản do phạm tội mà có thì anh Trần Văn T đã giao nộp Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút để giải quyết theo quy định và tố giác Trần Văn L lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngoài hành vi trên thì khoảng tháng 7/2021, Trần Văn L cùng vợ là Bùi Thảo T đến nhà chị Lê Thị H để mượn số tiền 32.000.000đ *(Ba mươi hai triệu đồng)*; hai bên đồng ý thỏa thuận và viết giấy mượn tiền trong thời gian 01 tháng thì L phải trả tiền cho chị H. Trong thời gian nêu trên, mặc dù chưa đến thời hạn trả nợ nhưng do cần tiền nên chị H gọi điện thoại cho L để yêu cầu trả lại số tiền đã mượn thì L nói với chị H đã nhờ cha là ông Trần Văn Đ trả lại tiền cho chị H và chị H đã đồng ý. Đến ngày 28/9/2021 do không thấy L và gia đình trả lại tiền nên chị H đã làm đơn tố giác L về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Trần Văn L đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện ra đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 39/KL-HĐĐG, ngày 12/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện C kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda,

dòng xe SH mode, màu sơn bạc - đen, BKS: 48D1-243.02 có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là: 47.000.000đ *(Bốn mươi bảy mươi triệu đồng)*.

Tại Kết luận giám định số: 198/GĐTL-PC09 ngày 17/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng mua bán xe giữa Trần Văn L với Ngô Thành N đề ngày 18/6/2021 và chữ viết trong đơn đề nghị cấp Chứng minh nhân dân của Trần Văn L là do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký, chữ viết trong Giấy bán xe mô tô giữa Trần Văn L với Lê Đình Q đề ngày 21/7/2021 và chữ viết, chữ ký trong đơn đề nghị cấp Chứng minh nhân dân của Trần Văn L không phải do cùng một người ký, viết ra.

Tại Kết luận giám định số: 199/GĐTL-PC09 ngày 24/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 010100, tên chủ xe: Trần Văn L, biển số đăng ký: 48D1-243.02 và Giấy chứng nhận đăng ký xe. mô tô, xe máy số: 48002776 tên chủ xe: Trần Văn L, biển số đăng ký: 48D1-243.02 là thật.

- Về vật chứng:

+ 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Trần Văn L số phát hành: 010100, cấp ngày 05/10/2017, nơi cấp: Công an huyện C, tỉnh Đắk Nông.

+ 01 (một) hợp đồng mua bán xe giữa Trần Văn L và Ngô Thành N vào ngày 18/6/2021.

+ 01 (một) xe mô tô BKS: 48D1-243.02 nhãn hiệu Honda SH mode, màu sơn bạc – đen.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Văn L, số phát hành: 48002776, cấp ngày 13/7/2021, nơi cấp: Công an huyện C, tỉnh Đắk Nông.

+ 01 (một) hợp đồng mua bán xe giữa Trần Văn L và anh Lê Đình Q vào ngày 21/7/2021.

+ 01 (một) giấy cầm đồ đề ngày 21/7/2021 về việc Trần Văn L cầm cố xe mô tô BKS: 48D1-24302 cho anh Lê Đình Q.

Bản Cáo trạng số: 28/CTr-VKS, ngày 11/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng tội, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s, i, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị

cáo Trần Văn L từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

- **Về vật chứng:** Áp dụng các Điều 46, 47 của BLHS; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Ngô Thành N 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Trần Văn L số phát hành: 010100, cấp ngày 05/10/2017; 01 (một) hợp đồng mua bán xe giữa Trần Văn L và anh Ngô Thành N vào ngày 18/6/2021; 01 (một) xe mô tô BKS: 48D1-243.02 nhãn hiệu Honda SH mode, màu sơn bạc - đen.

Chuyển 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Văn L, số phát hành: 48002776, cấp ngày 13/7/2021 đến Đội Cảnh sát giao thông - trật tự Công an huyện C để xử lý theo thẩm quyền.

Chuyển 01 (một) đơn đề nghị cấp Chứng minh nhân dân (bản gốc) của Trần Văn L được Công an TT E, huyện C xác nhận ngày 02/03/2015 cho Đội Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện C để lưu Hồ sơ cấp chứng minh nhân dân.

Trả lại cho anh Lê Đình Q 01 (một) giấy cầm đồ đề ngày 21/7/2021 về việc Trần Văn L cầm cố xe mô tô BKS: 48D1-243.02 cho anh Lê Đình Q.

- **Về trách nhiệm dân sự:**

Người bị hại anh Ngô Thành N đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Anh Lê Đình Q đã thỏa thuận trả lại số tiền 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)* cho anh Trần Văn T và anh T không có yêu cầu bồi thường thêm.

Bị cáo Trần Văn L đã thỏa thuận trả cho anh Lê Đình Q số tiền 48.000.000đ *(Bốn mươi tám triệu đồng)*, trong đó 35.000.000 đồng là tiền cầm cố xe và 13.000.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại cho anh Q, anh Q không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cư Jút, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung Bản cáo trạng truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp. HĐXX có đủ cơ sở khẳng định hành vi phạm tội của bị cáo: Vào ngày 18/6/2021, tại số 252 Nguyễn Tất Thành, tổ dân phố 9, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông, bị cáo Trần Văn L đã bán xe mô tô BKS: 48D1-243.02 cho anh Ngô Thành N, sau khi bị cáo L bán xe cho anh N, bị cáo thuê lại xe của anh N để sử dụng, đến ngày 18/7/2021 đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe mô tô BKS: 48D1-243.02 của anh Ngô Thành N, bị cáo cầm cố xe cho anh Lê Đình Q lấy số tiền 35.000.000đ *(Ba mươi lăm triệu đồng)* tiêu xài cá nhân, sau đó bị cáo đi khỏi địa phương. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 47.000.000đ *(Bốn mươi bảy triệu đồng)*.

[3]. Lời khai phạm tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận Hành vi phạm tội của bị cáo về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Điều 175 của Bộ luật Hình sự quy định: "Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

Do đó, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tính chất, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây bất bình trong quần chúng nhân

dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 39/KL-HĐĐG, ngày 12/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện C kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, dòng xe SH mode, màu sơn bạc - đen, BKS: 48D1-243.02 có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là: 47.000.000đ (*Bốn mươi bảy mươi triệu đồng)*. Mặc khác, sau khi pham tội bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, tuy nhiên sau đó bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút đầu thú về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo đã trả toàn bộ tiền cầm xe cho anh Lê Đình Q với tổng số tiền 48.000.000đ *(Bốn mươi tám triệu đồng),* bị cáo có thân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đồng thời người bị hại anh Nguyễn Thành N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Đình Q có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng Nghị Quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ Luật Hình sự về án treo. Xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo cải tạo tại địa phương. Giao bị cáo cho UBND TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông quản lý giáo dục bị cáo, cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội và cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã trả toàn bộ tiền cầm xe cho anh Q với số tiền 48.000.000đ *(Bốn mươi tám triệu đồng)*. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i ,b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn sau đó bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút đầu thú về hành vi phạm tội của mình, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của BLHS; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút đã ra quyết định xử lý vật chứng:

Trả lại cho anh Ngô Thành N 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Trần Văn L số phát hành: 010100, cấp ngày 05/10/2017; 01 (một) hợp đồng mua bán xe

giữa Trần Văn L và anh Ngô Thành N ngày 18/06/2021; 01 (một) xe mô tô BKS: 48D1-243.02, nhãn hiệu Honda SH mode, màu sơn bạc - đen.

Chuyển 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Văn L, số phát hành: 48002776, cấp ngày 13/7/2021 đến Đội Cảnh sát giao thông - trật tự Công an huyện C để xử lý theo thẩm quyền.

Chuyển 01 (một) đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân (bản gốc) của Trần Văn L được Công an TT E, huyện C xác nhận ngày 02/03/2015 cho đội Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện C để lưu Hồ sơ cấp chứng minh nhân dân.

- Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại anh Ngô Thành N đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Anh Lê Đình Q đã thỏa thuận trả lại số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng)* cho anh Trần Văn T và anh T không có yêu cầu bồi thường thêm.

Bị cáo đã trả và bồi thường cho anh Lê Đình Q tổng số tiền là 48.000.000đ *(Bốn mươi tám triệu đồng),* anh Q không yêu cầu gì thêm.

Đối với tố giác Trần Văn L lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Trịnh Văn T và chị Lê Thị H, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút đã làm rõ: Sau khi bán xe mô tô BKS: 48D1-243.02 cho anh T nhưng anh T chưa đưa đủ tiền, vì vậy L đã thỏa thuận với anh T đem xe bán cho người khác và được anh T đồng ý. Khoảng tháng 7/2021, L có mượn của chị H 32.000.000đ *(Ba mươi hai triệu đồng)*; hai bên đồng ý thỏa thuận và viết giấy mượn tiền trong thời gian 01 tháng nhưng khi chị H đòi tiền thì L chưa có trả, L và chị H có thỏa thuận để ông Đ (là bố của L) trả tiền cho chị H, đến nay L và gia đình đã trả đủ tiền cho anh T và chị H, vì vậy đây là các giao dịch dân sự thông thường nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với tố giác Trần Văn L lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Trần Văn Tân, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút đã làm rõ: Sau khi hết thời gian cầm cố xe mô tô BKS: 48D1-243.02 cho anh Q thì L không đến thanh toán tiền gốc, lãi và lấy tài sản nên anh Q đã bán xe mô tô BKS: 48D1-243.02 cho anh T với giá 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng),* anh Q đã giao xe và giấy tờ xe cho anh T. Sau khi anh T giao nộp xe mô tô BKS: 48D1-243. 02 cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút thì anh Q đã trả lại số tiền 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)* cho anh T. Giao dịch mua bán giữa anh Q và anh T là tự nguyện thỏa thuận dân sự, không có sự tham gia của Trần Văn L, vì vậy, việc anh T tố giác L có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T là không có căn cứ.

Đối với hành vi của anh Lê Đình Q tự soạn thảo Giấy bán xe mô tô giữa Trần Văn L với Lê Đình Q đề ngày 21/7/2021 và tự ký tên người bên bán là Trần Văn L chỉ nhằm chứng minh cho anh T biết nguồn gốc mà anh Q có xe mô tô BKS: 48D1-243.02, không nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút không xem xét xử lý là đúng quy định.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng Nghị Quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ Luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáoTrần Văn L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/8/2022*)*.

Giao bị cáo Trần Văn L cho UBND TT E, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp bị cáo Trần Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của BLHS; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Ngô Thành N 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Trần Văn L số phát hành: 010100, cấp ngày 05/10/2017; 01 (một) hợp đồng mua bán xe giữa Trần Văn L và anh Ngô Thành N ngày 18/6/2021; 01 (một) xe mô tô BKS 48D1-243.02 nhãn hiệu Honda SH mode, màu sơn bạc - đen.

Chuyển 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Văn L, số phát hành: 48002776, cấp ngày 13/7/2021 đến Đội Cảnh sát giao thông – trật tự Công an huyện C để xử lý theo thẩm quyền.

Chuyển 01 (một) đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân (bản gốc) của Trần Văn L được Công an TT E, huyện C xác nhận ngày 02/03/2015 cho Đội Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện C để lưu Hồ sơ cấp chứng minh nhân dân.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại anh Ngô Thành N đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Anh Lê Đình Q đã thỏa thuận trả lại số tiền 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)* cho anh Trần Văn T và anh T không có yêu cầu bồi thường thêm.

Bị cáo đã thỏa thuận trả và bồi thường anh Lê Đình Q tổng số tiền là 48.000.000đ *(Bốn mươi tám triệu đồng)*, anh Q không yêu cầu gì thêm.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoạc bản bản được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

NGUYỄN THỊ LAN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Cư Jú;*
- *Công an huyện Cư Jút;*
- *CCTHADS huyện C;*
- *UBND TT E;*
- *Bị cáo;*
- *Người bị hại;*
- *Người có QL,NVLQ;*
- *Lưu HS.*